TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-PT
Ngày: 19-02-2020
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hoàng Linh

Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham dự phiên toà: Ông Cao Thanh Nam – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1960, địa chỉ: Tổ 06, khu phố 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Quốc Ch, sinh năm 1973, địa chỉ: Văn phòng Luật sư Q, số 420 QL.14, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Tường T, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 5, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 46, đường Nguyễn T, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

3. *Người làm chứng*:

- Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1958, địa chỉ: Tổ 14, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Chị Lý Thị X, sinh năm 1984, địa chỉ: Tổ 06, khu phố 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- Chị Lý Thị L, sinh năm 1987, địa chỉ: Tổ 06, khu phố 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

• *Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày*:

Chị Lý Thị X là con G của Bà Nguyễn Thị G, chị X kết hôn với Anh Nguyễn Tường T ngày 09/12/2014. Trước khi kết hôn thì ngày 21/3/2014 anh T có vay của bà G 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 0,7%/tháng và thời hạn trả nợ là khi nào bà G cần tiền thì bà G phải báo trước cho T một tháng thì anh T phải trả nợ. Bà G đưa cho chị X số tiền 400.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 050003344913 cho anh T. Từ khi vay anh T có trả lãi cho bà G đến tháng 10/2016 với số tiền lãi là 86.800.000 đồng (tám mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngày 26/1/2015 Anh Nguyễn Tường T tiếp tục vay của Bà Nguyễn Thị G số tiền 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng) với thỏa thuận về tiền lãi và thời hạn trả nợ như với khoản vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) nêu trên. Bà G đưa số tiền này cho chị X và chị X tiếp tục chuyển vào tài khoản số 050003344913 cho anh T. Khoản vay này anh T chưa trả lãi.

Ngày 05/5/2016 Anh Nguyễn Tường T tiếp tục vay của Bà Nguyễn Thị G số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) với thỏa thuận về tiền lãi và thời gian trả nợ như hai khoản vay trên. Khoản vay này anh T nhận tiền trực tiếp từ bà G và chưa trả tiền lãi.

Cả ba khoản vay nêu trên giữa anh T và bà G không lập hợp đồng vay tiền, cũng không lập bất cứ giấy tờ nào ghi nhận việc vay tiền.

Ngày 11/5/2017 Bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu Anh Nguyễn Tường T trả khoản nợ 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tính đến tháng 6/2017 là 31.500.000 đồng (ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng 431.500.000 đồng (bốn trăm ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, anh T nói với bà G không có chứng cứ chứng minh việc anh T vay tiền của bà G, anh T chỉ đồng ý trả cho bà G 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), nếu bà G không nhận thì ông T sẽ không trả đồng nào. Để thu hồi một phần vốn vay nên bà G đồng ý nhận trước 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) để rút đơn khởi kiện, Ngày 18/8/2017, anh T đưa số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), cho Chị Trần Thị N để trả cho bà G, bà G đã làm đơn rút đơn khởi kiện.

Tính đến ngày 18/8/2017, anh T còn nợ bà G số nợ gốc 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) của khoản vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và toàn bộ nợ gốc, nợ lãi của hai khoản vay 215.000.000 đồng (hai

trăm mười lăm triệu đồng) và 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Bà G yêu cầu Tòa án buộc anh T trả ba khoản nợ gốc: Khoản thứ nhất 400.000.000 đồng - 120.000.000 đồng còn 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng, khoản thứ hai 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng) và khoản thứ ba 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng). Tổng cộng ba khoản là 635.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng). Không yêu cầu trả nợ lãi.

** Bị đơn Anh Nguyễn Tường T và người đại diện theo ủy quyền của anh là Chị Trần Thị N thống nhất trình bày*:

Anh Nguyễn Tường T không vay tiền của Bà Nguyễn Thị G như trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho bà G.

Trước khi kết hôn với anh T thì ngày 21/3/2014 chị X có chuyển cho anh T số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) để hùn vốn kinh doanh chung với anh T (chuyển vào tài khoản số 050003344913 của anh T tại Ngân hàng Saccombank). Khi không kinh doanh chung nữa thì anh T đã trả lại khoản tiền này cho chị X (ngày 25/1/2015 anh T trả cho chị X 295.000.000 đồng thông qua Công ty T; ngày 18/8/2017 anh T trả cho chị X 120.000.000 đồng thông qua Chị Trần Thị N).

Trong thời gian anh T và chị X có quan hệ hôn nhân thì ngày 26/1/2015 chị X có chuyển cho anh T số tiền 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng), chuyển vào tài khoản số 050003344913 của anh T tại Ngân hàng Saccombank. Số tiền này là tài sản chung của hai vợ chồng, chị X chuyển cho anh T giữ để dùng chữa bệnh hiếm muộn cho chị X.

Đối với khoản tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) thì anh T hoàn toàn không biết, cũng không vay của bà G.

Chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị G đối với Anh Nguyễn Tường T.

- *Những người làm chứng trình bày:*

- *Bà Ngô Thị Đ trình bày*: bà Đ là mẹ ruột của Anh Nguyễn Tường T, bà Đ có nghe anh T nói là trước khi kết hôn thì anh T và chị X có hùn vốn kinh doanh (không biết là kinh doanh gì) và chị X có chuyển cho anh T 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) để làm vốn nhưng sau đó không kinh doanh nữa nên hai đứa đã tiêu xài hết. Anh T có xin của bà Đ 295.000.000 đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu đồng) để trả lại cho chị X. Bà Đ đã chuyển trả cho chị X 295.000.000 đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu đồng) thông qua Công ty T. Khi Bà Nguyễn Thị G khởi kiện anh T để đòi nợ 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), anh T không đồng ý trả nợ, khi đó ông Luật sư Ch (là người đại diện cho bà G) nói anh T hỗ trợ thêm cho chị X 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) thì bà G sẽ rút đơn kiện đồng thời cam kết sẽ không khiếu kiện gì đối với anh T nữa. Do không muốn dây dưa kéo dài nên anh T đồng ý hỗ trợ cho chị X 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) theo lời

Luật sư Ch. Nhưng do anh T không có tiền nên bà Đ mới chuyển cho Luật sư N 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) để chị N chuyển lại cho chị X. Bà Đ có trao đổi với bà G là nếu anh T có nợ tiền của bà G thì bà Đ sẽ có trách nhiệm.

- *Chị Lý Thị X trình bày*: Chị kết hôn với anh T vào ngày 09/12/2014, hai bên ly hôn vào ngày 02/3/2017.

Trước khi kết hôn thì anh T có nhờ chị X tác động đối với bà G để bà G cho anh T vay tiền. Ngày 21/3/2014 chị X có nhận từ bà G số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) để chuyển cho anh T, chị X chuyển số tiền này vào tài khoản số 050003344913 của anh T tại Ngân hàng Saccombank.

Đối với khoản vay 215.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) thì giữa anh T và bà G giao dịch với nhau như thế nào chị X không biết. Ngày 26/1/2015 bà G đưa 215.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) cho chị X nói chị X chuyển cho anh T và chị X số tiền này vào tài khoản số 050003344913 của anh T tại Ngân hàng Saccombank.

Đối với khoản vay 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) thì anh T giao dịch và nhận tiền trực tiếp từ bà G. Sau này chị X chỉ nghe bà G nói lại là có cho anh T vay khoản tiền này.

Tháng 1/2015 chị X có nhận số tiền 295.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) từ thủ quỹ của Công ty T. Đây là tiền bà Đ cho chị X để mua nữ trang.

- *Chị Lý Thị L trình bày*: Chị Liên là em ruột của Chị Lý Thị X, con G của bà G. Thời điểm trước tháng 10/2018 thì chị Liên là Thủ quỹ kiêm kế toán của Công ty T (là Công ty của gia đình anh T). Trong tháng 1/2015 chị Liên có nhận lệnh của ông Nguyễn Thành B (chủ Công ty) chi cho Chị Lý Thị X số tiền 295.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng). Chị Liên lấy tiền của Công ty và cầm về nhà giao trực tiếp cho chị X, chị Liên không biết đây là tiền gì, giao cho chị X với mục đích gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị G về việc buộc Anh Nguyễn Tường T phải trả nợ cho bà G tổng số tiền 635.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/11/2019, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị G kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ thời điểm thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà G, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

[1] Xét thấy, quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn cho rằng nguyên đơn có chứng cứ là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà G và bà Đ vào ngày 14/8/2016 tại nhà bà Đ. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thu thập bản dịch nội dung cuộc hội thoại được ghi âm và thực hiện việc kiểm tra việc giao nộp và công khai chứng cứ đối với bản dịch này mà không thực hiện việc kiểm tra việc giao nộp và công khai chứng cứ đối với đoạn ghi âm. Đây là thiếu sót khi tiến hành thủ tục kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ. Đối với số tiền 140.000.000 đồng mà bà G cho rằng anh T vay của bà, anh T không thừa nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không cho các bên thực hiện đối chất để làm rõ cũng là thiếu sót. Sau khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục những thiếu sót trên của cấp sơ thẩm bằng việc tổ chức cho các bên đối chất cũng như tiến hành việc công khai chứng cứ bổ sung, mặc dù các bên đã được triệu tập hợp lệ nhưng đã không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên cấp phúc thẩm không tiến hành các thủ tục trên được. Tuy nhiên, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là phía nguyên đơn đã cung cấp bản sao đoạn ghi âm nội dung cuộc nói chuyện trên cho anh T và bà Đ, đồng thời các bên đương sự cũng cho rằng không có ý kiến gì về thủ tục công khai chứng cứ của cấp sơ thẩm. Về số tiền 140.000.000 đồng mặc dù cấp sơ thẩm chưa cho các bên đối chất nhưng việc này đã được làm rõ tại phiên tòa cấp phúc thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm không lấy những thiếu sót trên làm căn cứ để hủy án sơ thẩm nhưng cần nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà G là Ông Ngô Quốc Ch cho rằng căn cứ để chứng minh anh T có nợ bà G số tiền 635.000.000 đồng là:

+ 02 chứng từ giao dịch có nội dung chị X chuyển tiền vào tài khoản của anh T các khoản 400.000.000 đồng vào ngày 21/3/2014 và khoản 251.000.000 đồng vào ngày 26/01/2015.

+ 02 giấy giao nhận các khoản tiền trên giữa chị X và bà G.

+ Nội dung các tin nhắn qua mạng Zalo mà anh T nhắn cho chị X vào lúc 14 giờ 07 phút, trong đó có nội dung: "*Quyết định là mẹ chuyển toàn bộ hết. Không thiếu một thứ gì 142tr 215 luôn lãi 225.525k và cuốn sổ*" (bút lục 33).

+ Việc anh T trả cho bà G số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 18/8/2017.

+ Đĩa ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà Đ và bà G ngày 14/8/2016.

[3] Xét kháng cáo của Bà Nguyễn Thị G về việc bà đề nghị được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và trình bày trên của ông Ch, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án các bên đều công nhận: Vào các ngày 21/3/2014 và 26/01/2015, anh T có nhận 400.000.000 đồng và 215.000.000 đồng qua tài khoản do chị X chuyển; đồng thời các bên cũng công nhận ngày 25/01/2015, chị X có nhận của gia đình anh T số tiền 295.000.000 đồng, ngày 18/8/2017 bà G và chị X có nhận của anh T (do bà N giao giùm) số tiền 120.000.000 đồng.

[3.2] Xét lời trình bày của các bên về các khoản tiền đang tranh chấp, thấy:

Phía bị đơn trình bày có mâu thuẫn, cụ thể: Mặc dù phía bị đơn không thừa nhận việc anh T vay của bà G mà cho rằng số tiền 400.000.000 đồng là khoản tiền mà chị X gửi cho anh để hùn vốn kinh doanh sữa vào thời điểm anh chị chưa kết hôn, sau đó do không kinh doanh được nên anh đã trả hết cho chị X vào các ngày 25/01/2015 (trả 295.000.000 đồng) và ngày 18/8/2017 (trả 120.000.000 đồng); còn khoản tiền 215.000.000 đồng là tiền chung của chị X và anh T, chị X gửi vào tài khoản của anh để chữa bệnh vô sinh cho chị X do lúc này anh chị đã là vợ chồng. Nhưng phía bị đơn không chứng minh được việc chị X gửi số tiền 400.000.000 đồng cho anh T là để góp vốn kinh doanh sữa cũng như không chứng minh được nguồn gốc số tiền 215.000.000 đồng và mục đích sử dụng số tiền 251.000.000 đồng để chữa bệnh vô sinh cho chị X như mình trình bày. Trong khi cả bà G và chị X đều khẳng định hai khoản tiền trên là tiền của bà G đưa nhờ chị X chuyển khoản cho anh T vay bà G. Bên cạnh đó, nếu phía bị đơn cho rằng anh T không vay tiền của bà G song vào ngày 18/8/2017 anh T lại đồng ý trả số tiền 120.000.000 đồng cho bà G là mâu thuẫn.

Phía nguyên đơn trình bày cũng mâu thuẫn, cụ thể: Bà G cho rằng anh T vay bà 400.000.000 đồng vào ngày 21/3/2014, vay 215.000.000 đồng vào ngày 26/01/2015 và vay 140.000.000 đồng vào 05/5/2016. Tuy nhiên, bà G đã có 02 lần nộp đơn khởi kiện, cả hai lần đều được Tòa án thụ lý yêu cầu buộc anh T trả nợ, lần thứ nhất có đơn ngày 11/5/2017 và lần thứ hai vào ngày 17/01/2018. Cả hai lần khởi kiện trên bà G đều cho rằng anh T nợ số tiền 400.000.000 đồng

mà bà cho anh T vay ngày 21/3/2014. Như vậy, vào các thời điểm khởi kiện trên, nếu bà G cho rằng anh T còn nợ 03 khoản tiền nhưng chỉ khởi kiện yêu cầu trả khoản 400.000.000 đồng là không phù hợp. Hơn nữa, mặc dù phía bị đơn không thừa nhận nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông Ch vẫn khẳng định sau khi vay tiền anh T đã trả được cho bà G 86.800.000đồng tiền lãi của số nợ gốc 400.000.000 đồng và 19.350.000 đồng tiền lãi của số nợ gốc 215.000.000 đồng. Đối với khoản tiền 140.000.000 đồng bà G giao trực tiếp cho anh T vay vào ngày 05/5/2016 thì anh T không thừa nhận. Bà G cũng không chứng minh được việc bà cho anh T vay nên không có căn cứ xác định anh T vay khoản này. Mặt khác, vào ngày 18/8/2017 khi nhận số tiền 120.000.000 đồng từ Chị Trần Thị N do gia đình anh T ủy quyền cho chị N giao tiền cho bà G thì bà G đã cùng với chị X và người đại diện theo ủy quyền của mình là Ông Ngô Quốc Ch đã tự nguyện viết biên nhận với nội dung: "*Tôi tên Lý Thị X cùng mẹ là Nguyễn Thị G đồng ý nhận số tiền ông Nguyễn Tường Tam. Nay chúng tôi cam kết không thưa kiện từ nay về sau và kể từ thời điểm viết biên nhận này không nợ nần với ông T và gia đình ông T*" (bút lục 104). Mặc dù, phía nguyên đơn cho rằng do bà G bị phía anh T ép buộc và áp lực muốn nhận được số tiền 120.000.000 đồng trước nên vào ngày 18/8/2017 mới viết cam kết không còn nợ nần với ông T nhưng trình bày này là không phù hợp và không có cơ sở chứng minh. Điều này khẳng định chính bà G đã xác nhận kể từ ngày 18/8/2017 anh T đã không còn nợ bà tiền.

Ngoài ra, xét về số tiền 295.000.000 đồng mà chị X đã nhận từ anh T ngày 26/01/2015, thấy rằng các bên trình bày cũng không phù hợp: Anh T thì cho rằng đây là tiền anh trả cho chị X trong số tiền 400.000.000 đồng anh đã nhận do không kinh doanh chung được như dự kiến ban đầu; Còn chị X (trong quá trình giải quyết vụ án) và ông Ch (tại phiên tòa) thì cho rằng đây là tiền bà Đ đưa cho chị X để mua nữ trang (kim cương) cho chị X đeo để làm đẹp mặt nhà chồng sau khi cưới. Nhưng, các bên đều không có chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng.

Từ những căn cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định anh T có vay của bà G hai khoản tiền 400.000.000 đồng và 215.000.000 đồng, tổng cộng 615.000.000 đồng (Khoản tiền 140.000.000 đồng không có căn cứ xác định anh T vay như đã phân tích ở trên). Tuy nhiên, do hai bên đã thống nhất thỏa thuận từ thời điểm ngày 18/8/2017 anh T trả cho bà G 120.000.000 đồng thì việc nợ nần sẽ chấm dứt. Do đó, ngày 18/8/2017 bà G cùng chị X và ông Ch đã viết cam kết "*không còn nợ nần với ông T và gia đình ông T"* như trên. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh T không vay các khoản tiền trên của bà G là chưa phù hợp nhưng về đường lối đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G là có căn cứ nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp. Kháng cáo của bà G không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà G không được chấp nhận, nên bà G phải chịu 300.000 đồng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị G; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị G về việc buộc Anh Nguyễn Tường T phải trả cho bà G số tiền 635.000.000đồng (sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 29.400.000 đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 14.700.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà G đã nộp theo Biên lai thu số 0004507, quyển số 000091 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Bà G còn phải nộp 14.7000.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà G đã nộp theo Biên lai thu số 0004704 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- TAND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Quý Chi